

XÂY DỰNG HỆ THỐNG THI-KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ NGOẠI NGỮ THEO ĐƯỜNG HƯỚNG GIAO TIẾP

Vũ Văn Phúc^(*)

Với mục đích hội nhập với các nước trong khu vực và trên thế giới, Việt Nam đang tiến hành công cuộc đổi mới sâu rộng trong mọi ngành, mọi lĩnh vực. Đổi mới trong giáo dục đào tạo là một yêu cầu khách quan, có tính cấp thiết vì đây chính là cơ sở tạo ra nguồn nhân lực có khả năng đáp ứng được các yêu cầu của hội nhập. Một trong những yêu cầu của hội nhập là năng lực ngoại ngữ của nguồn nhân lực. Năng lực ngoại ngữ cần được hiểu trong bối cảnh ngoại ngữ phải phục vụ đắc lực cho mục đích hội nhập, đó là năng lực giao tiếp. Do vậy, những quan niệm mang tính truyền thống về năng lực ngoại ngữ trước thời kì đổi mới cần phải thay đổi nhằm đưa ra những chuẩn mực, những tiêu chí đánh giá năng lực ngoại ngữ một cách chính xác, có hệ thống phù hợp với sự phát triển của xã hội và kinh tế. Nói một cách cụ thể, hệ thống thi-kiểm tra ngoại ngữ cần phải cải cách nhằm phục vụ đắc lực cho việc nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng, và tuyển chọn nhân tài cho công cuộc đổi mới. Ý thức được điều này, chúng tôi xin đưa ra một số nhận xét về hiện trạng của kiểm tra đánh giá ngoại ngữ ở Việt Nam cùng một số giải pháp nhằm tăng cường

chất lượng thi-kiểm tra đánh giá-một khâu có vị trí quan trọng trong dạy-học và cũng là mối quan tâm hàng đầu của các đơn vị đào tạo, quản lý đào tạo chất lượng cao.

1. Thực trạng của khâu thi-kiểm tra ngoại ngữ ở Việt Nam

Thi-kiểm tra ngoại ngữ ở Việt Nam có thể tạm chia làm hai giai đoạn chính: giai đoạn từ những năm 80 trở về trước và giai đoạn từ những năm 80 đến nay. Từ những năm 80 trở về trước, năng lực ngoại ngữ được đánh giá chủ yếu là kiến thức ngôn ngữ qua ngữ âm, ngữ pháp, từ vựng và khả năng biên dịch. Nội dung yêu cầu thi-kiểm tra cho bất kì mục đích nào thường là những bài tập mở gồm các phần: 1. Ngữ pháp và từ vựng: bài tập chia động từ, hoàn thành câu, phân tích câu. 2. Đọc: đọc đoạn/ bài văn trả lời một số câu hỏi theo nội dung trong bài. 3. Dịch xuôi, dịch ngược. 4. Viết luận. Độ tin cậy của bài thi-kiểm tra khó đảm bảo do cách chấm chủ quan cho các loại bài tập mở. Cách nhìn truyền thống trong kiểm tra đánh giá như vậy đã tác động rất nhiều tới phương pháp dạy và học ở Việt Nam trong thời kì đó. Phương pháp ngữ pháp-dịch được coi là phương pháp

(*) ThS., Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Quốc gia Hà Nội.

chủ đạo với quan niệm ngôn ngữ là một hệ thống kí hiệu được kết dính với nhau theo các quy tắc nhất định. Cuối những năm 70, nhờ trang thiết bị và điều kiện dạy-học tốt hơn phương pháp trực tiếp, phương pháp nghe nhìn được đưa vào giảng dạy trong một số trường đại học ở Việt Nam. Song trọng tâm của việc học và dạy vẫn hướng tới khả năng nắm bắt các quy luật ngữ pháp, từ vựng của ngôn ngữ đích. Giáo viên và học sinh rất quen với những cuốn tài liệu, giáo trình tập trung vào từ vựng và cấu trúc ngữ pháp. Người học phải tra nghĩa của từ, học thuộc lòng nghĩa của từng từ, phân tích cấu trúc ngữ pháp của từng câu trong bài, dịch văn bản từ tiếng mẹ đẻ sang tiếng nước ngoài hoặc ngược lại. Giáo viên thường dùng hầu hết thời gian trên lớp giảng giải kiến thức ngôn ngữ và như vậy học sinh chỉ ngồi nghe giảng, ghi chép một cách hoàn toàn thụ động. Kết quả của cách dạy-học này là khi hoàn thành khoá đào tạo, học sinh có thể nắm được kiến thức về ngôn ngữ khá tốt nhưng khả năng giao tiếp thì yếu. Do vậy, khi kết thúc khoá học hoặc ngay cả khi được tuyển dụng vào một cơ quan nào đó, họ thường phải qua một khoá bổ túc nâng cao khả năng giao tiếp chủ yếu là khả năng nghe, nói mới có thể đáp ứng được yêu cầu của công việc.

Tuy nhiên, từ khi nền kinh tế Việt Nam chuyển từ quản lí hành chính bao cấp sang nền kinh tế thị trường, nhu cầu giao lưu trong và ngoài nước ngày càng tăng với xu thế hội nhập với các nước trong khu vực và thế giới, vai trò của ngoại ngữ nói chung và tiếng Anh nói riêng ngày càng trở nên quan trọng. Thời kì đổi mới đòi hỏi một cách nhìn mới về việc đánh giá năng lực ngoại ngữ, đó là

năng lực giao tiếp hay năng lực thực hành ngoại ngữ. Nói đánh giá năng lực thực hành ngoại ngữ là bao gồm:

1. Đánh giá *năng lực ngôn ngữ*, có nghĩa là đánh giá *mức độ nắm kiến thức ngôn ngữ* trên các bình diện khác nhau (ngữ âm, ngữ pháp, từ vựng...)

2. Đánh giá *năng lực giao tiếp*, có nghĩa là đánh giá *các kỹ năng sử dụng kiến thức ngôn ngữ một cách phù hợp trong các hoàn cảnh giao tiếp cụ thể*.

Nói đến *đánh giá năng lực thực hành ngôn ngữ* là nhấn mạnh đến khía cạnh đánh giá năng lực giao tiếp của người học. Tuy nhiên không thể nói đến năng lực giao tiếp nếu không có kiến thức ngôn ngữ. Nói một cách khác, kiến thức ngôn ngữ giúp người học thực hiện các nhiệm vụ giao tiếp đặt ra trong một bối cảnh cụ thể. Vì vậy, nội dung yêu cầu thi-kiểm tra kiến thức ngôn ngữ được lồng vào bài thi-kiểm tra các kĩ năng: nghe, nói, đọc, viết qua các loại bài tập "giao tiếp" như: chuyển hoá thông tin, diễn thông tin, ghép hay chấp nối thông tin. Ví dụ: Trong bài thi-kiểm tra đọc, thí sinh không phải giải thích về hiện tượng ngữ pháp nào đó hay bình luận về nghĩa từ vựng trong bài đọc mà họ phải rút ra được một số thông tin để đưa các thông tin đó phục vụ cho yêu cầu giao tiếp đặt ra qua bài đọc. Cách đánh giá này phù hợp với nhu cầu sử dụng ngoại ngữ hiện nay trong xã hội, và đã tác động trực tiếp tới nội dung, phương pháp dạy và học, chuyển từ đường hướng cấu trúc truyền thống sang đường hướng giao tiếp, trong đó mục đích của việc dạy-học ngoại ngữ là làm cho người học có khả năng giao tiếp một cách trôi chảy, phù hợp với các tình huống giao tiếp đích thực. Widdowson (1978:144) đã nêu: "Việc dạy

ngoại ngữ lấy đích là khả năng giao tiếp đòi hỏi một đường hướng kết hợp chặt chẽ kiến thức ngôn ngữ với khả năng giao tiếp” Littlewood, W [7, tr 9, 1981] cũng cùng quan điểm với Widdowson: “Dạy cho học viên làm thế nào tạo được những mẫu câu đúng thì chưa đủ mà ta phải giúp họ phát triển kĩ năng đưa các mẫu câu này vào sử dụng trong các tình huống giao tiếp đích thực trong cuộc sống.”

Các quan điểm trên cho ta thấy phương pháp học và dạy mới này không còn chỉ tập trung vào việc nắm bắt kiến thức “về” ngôn ngữ nữa mà là tập trung vào khả năng sử dụng ngôn ngữ trong các tình huống giao tiếp cụ thể. Với cách nhìn này, Ngữ dụng học đã trở thành một bộ môn rất quan trọng trong dạy và học ngoại ngữ. Do lấy khả năng giao tiếp của học sinh là đích của hoạt động dạy-học, mọi hoạt động dạy-học phải lôi cuốn được người học thực hiện các mục đích giao tiếp cụ thể chứ không phải chỉ vì mục đích luyện tập cấu trúc. Để làm được điều này, ngoài việc cung cấp ngữ liệu, người dạy phải tạo ra các khoảng trống thông tin khiến người học có nhu cầu giao tiếp, chấp nối thông tin, hoặc tung vấn đề ra cho người học tranh luận, trình bày ý kiến, quan điểm của mình. Theo phương pháp giảng dạy này, khi học sinh thực hiện các kĩ năng: nghe, nói, đọc, viết theo yêu cầu của giáo viên, họ cảm nhận được nhu cầu giao tiếp thực sự. Trong giao tiếp, người học chú ý tới nội dung giao tiếp hơn hình thức biểu đạt. Người học được tự do vận dụng linh hoạt mọi hình thức biểu đạt chứ không phụ thuộc vào một hình thức biểu đạt nhất định. Độ lưu loát, trôi chảy và tính hiệu quả trong giao tiếp quan trọng hơn

độ chính xác về ngôn ngữ. Nói cách khác nội dung giao tiếp quan trọng hơn hình thức biểu đạt. Mọi hoạt động dạy-học phải do người học thực hành đa chiều chứ không phải chỉ với giáo viên, người học phải trở thành trung tâm của mọi hoạt động dạy-học. Đường hướng lấy người học làm trung tâm đã trở thành đường hướng chủ đạo trong dạy-học ở Việt Nam hiện nay ở mọi cấp học, mọi hình thức học, nó thực sự đã góp phần to lớn vào việc nâng cao chất lượng đào tạo ngoại ngữ. Sản phẩm của quá trình dạy-học theo đường hướng này đã phần nào đáp ứng được nhu cầu giao lưu, hội nhập giữa các nền văn hoá trên thế giới trong những năm gần đây, góp phần không nhỏ vào công cuộc phát triển kinh tế theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. Phương pháp giao tiếp với những ưu điểm được khẳng định đã trở nên rất phổ biến trong ngành ngoại ngữ. Và như vậy kiểm tra đánh giá cũng phải đi theo đường hướng giao tiếp lấy khả năng sử dụng ngôn ngữ trong các tình huống giao tiếp cụ thể làm nội dung thi-kiểm tra.

2. Xây dựng một hệ thống thi-kiểm tra ngoại ngữ đáp ứng được nhu cầu đào tạo cử nhân chất lượng cao

Các hội thảo khoa học ở nhiều cơ sở đào tạo trong và ngoài nước, các công trình khoa học đã công bố, thực tiễn đào tạo đã khẳng định kiểm tra đánh giá là một khâu quan trọng trong quá trình dạy-học. Việc tổ chức thi/kiểm tra chuẩn mực không những giúp người học hình thành thái độ tích cực trong học tập, giúp người học có hiệu quả hơn, mà còn giúp giáo viên đánh giá được hiệu quả công việc của mình. Qua kết quả của mỗi

lần thi-kiểm tra cả thầy lẫn trò có thể có những điều chỉnh kịp thời hướng tới mục tiêu đào tạo nhằm đạt hiệu quả cao đáp ứng mong muốn và đòi hỏi ngày càng cao của nhà trường, gia đình và xã hội. Thi-kiểm tra không những có ảnh hưởng trực tiếp tới đối tượng dạy-học mà còn tới mọi khâu như việc tổ chức dạy-học, phục vụ hoạt động dạy và học như: hội trường, lớp học, thư viện, thiết bị dạy-học, v.v. Nó giúp các nhà quản lý có những quyết định cần thiết về công tác quản lý nội dung chương trình, giáo trình, người dạy, người học. Kiểm tra đánh giá đóng vai trò làm động lực thúc đẩy hoạt động dạy-học, góp phần vào việc nâng cao chất lượng đào tạo và tự đào tạo. Do vậy, đối với bất cứ một quá trình dạy-học nào, khâu thi-kiểm tra luôn là một bộ phận cấu thành. Nhằm phát huy vai trò tích cực của kiểm tra đánh giá, **việc đưa công nghệ kiểm tra-đánh giá (KT-ĐG) vào hoạt động đào tạo là điều then chốt** giúp ta đảm bảo độ tin cậy, tính giá trị, khả năng phân loại tích cực, tính thực tiễn⁽¹⁾, những thuộc tính quan trọng của một bài thi-kiểm tra; đồng thời cho ta độ an toàn, tiện lợi, hạn chế đến mức tối đa những yếu tố chủ quan của cá nhân người biên soạn đề thi nguyên khối theo kiểu thủ công, truyền thống. Muốn đảm bảo được các tiêu chí về chất lượng của khâu đánh giá việc xây dựng công nghệ KT-ĐG thích hợp áp dụng vào yêu cầu và hoàn cảnh của Việt Nam là điều tất yếu. Cơ cấu của công nghệ KT-ĐG

trong đào tạo (nhất là đào tạo giáo dục) đã được xây dựng ở nhiều nước tiên tiến trên thế giới có bề dày lý luận và kinh nghiệm như: Vương quốc Anh, Hoa Kỳ, Cộng hoà Pháp và gần đây là Trung Quốc. Công nghệ KT-ĐG thường bao gồm những bộ phận cấu thành chính sau đây:

- Chuẩn đánh giá
- Ngân hàng tiêu mục đề thi-kiểm tra
- Cấu tạo đề thi-kiểm tra
- Tổ chức thi-kiểm tra
- Chấm thi-kiểm tra
- Nghiên cứu kết quả thi-kiểm tra

Trong công nghệ KT-ĐG, **việc xây dựng chuẩn đánh giá là một bước tiên quyết, đóng vai trò then chốt**. Các nước đều đưa ra các tiêu chí đánh giá năng lực ngoại ngữ theo các cấp độ. Hội đồng Mỹ với Bảng phân chia trình độ theo ba cấp (sơ cấp, trung cấp, cao cấp) thể hiện qua các bài thi chuẩn TOEFL, TOEIC,... Trung tâm Khảo thí thuộc Đại học Cambridge, Vương quốc Anh có hệ thống năm cấp độ cùng bài thi áp dụng cho từng cấp độ (KET = cấp độ 1; PET = cấp độ 2; FCE = cấp độ 3; CAE = cấp độ 4; CPE = cấp độ 5) và còn có hệ thống thi tiếng Anh chuẩn quốc tế (IELTS) nổi tiếng thế giới. Hội đồng châu Âu cũng có tiêu chí riêng của mình. Trung Quốc có bộ tiêu chí đánh giá năng lực Hán ngữ chín bậc trong ba cấp (sơ cấp, trung cấp, cao cấp) và mới đây (năm 2000) ra hệ thống đánh giá trình độ tiếng Anh theo năm cấp độ. Tuy mỗi hệ thống có những nét đặc thù nhất định phụ thuộc vào mục đích sử dụng, điều kiện dạy-học, song vẫn có những nét

⁽¹⁾ Những thuật ngữ này đã được bàn kỹ trong Nội san Ngoại ngữ Đại học Ngoại ngữ, Đại học Quốc gia Hà Nội, Đặc san về kiểm tra đánh giá năm 1996.

tương đồng. Đó là việc định tính, định lượng, xây dựng tiêu chí đánh giá các kỹ năng thực hành ngoại ngữ dựa trên mục đích thi-kiểm tra cụ thể, chuẩn hoá những yêu cầu mà người học, người dự thi-kiểm tra phải đạt được đối với mỗi kỹ năng ở mỗi trình độ với chuẩn tối thiểu và chuẩn tối đa. Tiêu chí đánh giá từng cấp độ theo hệ thống phải đưa ra được một định mức tổng quát về trình độ chuẩn với cả hai nội dung là khả năng sử dụng ngôn ngữ và kiến thức ngôn ngữ. Từng kỹ năng ngôn ngữ: nói, nghe, đọc, viết cũng được định mức theo chuẩn. Thí dụ: Yêu cầu đối với kiến thức ngôn ngữ phải nêu lên yêu cầu về ngữ pháp, từ vựng mà thí sinh phải đạt được cho từng cấp độ; yêu cầu về khả năng sử dụng ngôn ngữ cũng cần nêu cụ thể tới mức như những loại tư liệu nào thí sinh phải sử dụng được và kỹ năng phải đạt được ở mức nào. Việc tiêu chuẩn hoá nội dung thi-kiểm tra sẽ giúp cho việc đánh giá chất lượng chính xác và công bằng, thực hiện chức năng làm đòn bẩy cho quá trình dạy-học. Do vậy hoạt động dạy-học và kiểm tra/đánh giá đều hướng tới mục tiêu nâng cao chất lượng đào tạo qua việc sử dụng chung hệ thước đo, đó là các tiêu chí đánh giá năng lực thực hành ngoại ngữ. Muốn đảm bảo được các tiêu chí về chất lượng của khâu đánh giá (Độ tin cậy, Tính giá trị, Khả năng phân loại tích cực, v.v...) một cách thống nhất, công bằng, bí mật, khách quan và ổn định, **một ngân hàng tiêu mục thi-kiểm tra là không thể thiếu được** vì mọi tiêu mục cấu thành một đề thi cụ thể đều được kiểm định, sàng lọc qua các công đoạn trong quy trình xây dựng Ngân hàng tiêu mục (item-banking). Quy trình xây dựng ngân hàng tiêu mục có thể

được thực hiện với sự tham gia của đội ngũ giáo viên ngoại ngữ, chuyên gia khảo thí và các nhà nghiên cứu ở nhiều đơn vị đào tạo trong ngành ngoại ngữ. Đội ngũ này sẽ bám sát vào các tiêu chí đánh giá, nội dung đánh giá, các loại hình tiêu mục đã quy định để biên tập tiêu mục, và đưa vào hệ thống **nhờ phân mềm chuyên dụng. Phần mềm chuyên dụng phục vụ quy trình thi-kiểm tra ngoại ngữ** cho phép lưu giữ tiêu mục, truy hồi, tự động cấu tạo đề thi, chấm, lên điểm cho từng bài thi, phân tích kết quả thi theo từng tiêu mục, không ngừng sàng lọc nhằm đạt chất lượng đánh giá cao. Trong nhiều năm qua, kiểm tra đánh giá đã thu hút được sự quan tâm của nhiều trường cao đẳng, đại học trong cả nước. Nhiều đơn vị, nhiều nhà nghiên cứu, nhiều giáo viên tham gia nghiên cứu về KT-ĐG. Lấy trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội làm ví dụ. Hội thảo khoa học về KT-ĐG theo quy trình đào tạo mới cấp khoa, cấp trường liên tục được tổ chức trong những năm vừa qua chứng tỏ nhà trường đã đầu tư đáng kể vào lĩnh vực này. Hiện nay Trung tâm Nghiên cứu Phương pháp và Kiểm tra Chất lượng trực thuộc trường Đại học Ngoại ngữ-Đại học Quốc gia Hà Nội đang thực hiện đề tài trọng điểm cấp Đại học Quốc gia: **"Xây dựng Ngân hàng tiêu mục cho môn Thực hành tiếng trong chương trình đào tạo của trường Đại học Ngoại ngữ"**. Đề tài này được thực hiện từ tháng 5 năm 2001 đến tháng 5 năm 2004. Việc thực thi đề tài này khẳng định quyết tâm đưa công nghệ KT-ĐG vào quá trình đào tạo của nhà trường. Kết quả của những công trình như thế này cần được trao đổi trong phạm vi liên

ngành nhằm rút ra những kết luận cần thiết về khả năng áp dụng của chúng.

3. Thay lời kết luận

Kiểm tra-đánh giá có quan hệ qua lại chặt chẽ với tất cả các khâu của quá trình dạy-học. Do vậy đối với bất cứ quá trình dạy-học nào, khâu KT-ĐG luôn là một bộ phận cấu thành. Tuy nhiên KT-ĐG vẫn có tính độc lập tương đối với các khâu khác của quá trình dạy-học. Độc lập ở đây không có nghĩa là nó tách khỏi quá trình dạy-học mà có ý nghĩa là nó đã được xác định theo chuẩn đã định. Vì vậy, xây dựng hệ thống thi-kiểm tra ngoại ngữ ổn định là nhu cầu tất yếu. Song trong quá trình triển khai hệ thống thi-kiểm tra ngoại ngữ trong công nghệ KT-ĐG, ta cần tính đến những nguyên tắc cơ bản sau:

- Hệ thống đó phải lấy năng lực giao tiếp làm trọng tâm.
- Hệ thống đó phải thể hiện nét đặc trưng về tiêu chí đánh giá ở từng cấp độ nhưng liên quan chặt chẽ, đồng bộ giữa các cấp độ với nhau.
- Hệ thống đó phải được trình bày rõ ràng, cụ thể thông tin tới mọi đối tượng: người biên tập, người xử lí, thí sinh.

- Hệ thống đó phải đi với điều kiện vật chất ổn định để có thể đáp ứng được bất kì yêu cầu thi-kiểm tra nào.

Muốn đạt được các mục đích, yêu cầu của KT-ĐG như tính khoa học, chính xác, khách quan, ổn định việc thiết lập một cơ chế KT-ĐG độc lập một cách tương đối với quy trình dạy và học là cần thiết nếu không muốn nói là cấp thiết. Tính độc lập này thể hiện ở hai mặt: thành phần tham gia và quy trình tổ chức thực hiện. Cần thành lập Hội đồng KT-ĐG cùng các ban chuyên môn với đội ngũ cộng tác viên là những cán bộ trực tiếp giảng dạy tại các trường. Đây là một trong những điểm mấu chốt nhằm đảm bảo tính độc lập tương đối cho cơ chế KT-ĐG. Cần nói thêm, kiểm tra đánh giá chỉ là một trong những khâu quan trọng quyết định việc nâng cao chất lượng đào tạo. Nhiều khâu khác cũng cần được tiến hành đồng bộ như chương trình, giáo trình, phương pháp giảng dạy, điều kiện cơ sở vật chất tổ chức dạy và học, việc quản lý việc dạy và học... Chắc chắn những vấn đề này cũng còn là chủ đề của nhiều hội thảo.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bachman. L, Palmer.A., *Language Testing Practice*, UCP, 1996.
2. Brumfit. C., *Communicative Methodology in Language Teaching*, CUP, 1984.
3. Brindley,G., "Some current Issues in Second Language Teaching," in Prospect Vol.1, pp11-40, 1986.
4. Harmer, J., "What is Communicative?" In ELT Journal, Vol 36/3, pp.1964-1968, 1982.

5. Heaton J.B., *Writing English Language Tests*, Longman, 1988.
6. Hughes.A., *Testing for Language Teachers*, CUP, 1989.
7. Littlewood, W., *Communicative Language Teaching*, CUP, 1981.
8. Stern. HH., *Fundamental Concepts of Language Teaching*, OUP, 1983.
9. Widdowson, HG., *Teaching Language as Communication*, OUP, 1978.
10. Liang Yumin, Michael Milannvic, Lynda Taylor., *Hệ thống thi tiếng Anh ở Trung Quốc*, UCLES, 1999.
11. Trung tâm Nghiên cứu Phương pháp và Kiểm tra Chất lượng, *Chuẩn đánh giá năng lực thực hành ngoại ngữ*, Hệ Tại chức, Đại học Sư phạm Ngoại ngữ, 1996.
12. Trung tâm Nghiên cứu Phương pháp và Kiểm tra Chất lượng, *Tuyển tập các công trình khoa học từ năm 1975 đến năm 2000*, Hà Nội, 2000.

VNU. JOURNAL OF SCIENCE, Foreign Languages, T.XX, N_o2, 2004

ESTABLISHING A FOREIGN LANGUAGE TESTING SYSTEM IN THE LIGHT OF THE COMMUNICATIVE APPROACH

MA. Vu Van Phuc

College of Foreign Languages - VNU

Testing plays an important role in the teaching and learning process. It has backwash which can be beneficial or harmful. It is necessary to build up a testing system that contributes to improving the foreign language teaching and learning quality so as to meet the demand of foreign language abilities of the labour force in the new situation providing some suggestions for testing improvement in the light of the communicative approach and testing technology.